TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Ly

- Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Xuân

Ông Phạm Quang Nghĩa

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Vào ngày 30/01/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/01/2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/ 2017/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Dương Thị C**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện XL, tỉnh ĐN

- *Bị đơn*: Ông **Trần Văn Phi**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp Ấp T, xã X, huyện XL, tỉnh ĐN

(Bà C, ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà C trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, bà và ông P chung sống với nhau năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày. Hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông bà bỏ

mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay vợ chồng tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phi.

Về con chung: ông bà có 04 con chung là Trần Văn C, sinh ngày 02/4/1995, Trần Văn T, sinh ngày 28/02/1997, Trần Văn D, sinh năm: 27/5/2000 và Trần Văn Đ, sinh ngày 10/6/2004 khi ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung là cháu D và cháu Đ, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu C và cháu T đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Trần Văn P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về thời gian ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo ông, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện ông và bà C chung sống với nhau năm 1992 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện XL, tỉnh ĐN. Tuy nhiên hiện nay ông đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn nên không cung cấp được cho Tòa án. Ông có ra UBND xã để xin sao lục lại bản sao, tuy nhiên trong sổ bộ không có tên ông và bà C. Nay bà C yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Khi ly hôn, ông theo nguyện vọng của con chung, các con muốn sống với ai thì sẽ theo nguyện vọng của các cháu. Tuy nhiên 02 cháu Trần Văn D, sinh năm: 27/5/2000 và Trần Văn Đ, sinh ngày 10/6/2004 muốn sống với ông, thì ông sẽ nuôi con và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Văn C, sinh ngày 02/4/1995 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 28/02/1997 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai của Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà C yêu cầu ly hôn với ông P, xét thấy ông bà không đăng ký kết hôn theo luật định, nên đề nghị HĐXX không công nhận bà C và ông P là vợ chồng. Về con chung: Ông bà có 04 con chung là Trần Văn C, sinh ngày 02/4/1995, Trần Văn T, sinh ngày 28/02/1997, Trần Văn D, sinh năm: 27/5/2000 và Trần Văn Đ, sinh ngày 10/6/2004. Khi ly hôn bà C và ông P có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, xét thấy cháu D và cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ . Đề nghị HĐXX chấp nhận giao 02 con chung là cháu D và Đ cho

bà C nuôi dưỡng, còn cháu C và cháu T đã trưởng thành nên không giải quyết. Bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung: Không giải quyết, nợ chung: Không có, nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Dương Thị C có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Văn P, do đó xác định bà C là nguyên đơn, ông P là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Thị C và ông Trần Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt bà C và ông P tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: Ông P cho rằng ông bà chung sống với nhau năm 1992 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên bà C trình bày vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn. Nay cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên bà làm đơn yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quá trình thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Xuân Trường được biết qua kiểm tra Sổ bộ lưu kết hôn được lưu trữ từ năm 1992 đến năm 1993 không có tên ông Trần Văn P và bà Dương Thị C đăng ký kết hôn. Như vậy không có cơ sở khẳng định ông P và bà C đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Bà C, ông P có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, tuyên bố không công nhận bà C và ông P là vợ chồng là phù hợp tại Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Khi ly hôn, bà C có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Văn D, sinh năm: 27/5/2000 và Trần Văn Đ, sinh ngày 10/6/2004. Ông P theo nguyện vọng của con chung, các con muốn sống với ba hay mẹ thì theo nguyện vọng của các cháu. Xét thấy, 02 cháu D và cháu Đ có nguyện vọng được sống với bà C, hơn nữa hiện nay hai cháu đang sống với mẹ. Do vậy giao cháu D và cháu Đ cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Trần Văn C, sinh ngày 02/4/1995 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 28/02/1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông P.

[6] Về tài sản chung: Không giải quyết.

[7] Nợ chung: Không có, nên không giải quyết

[8] Về án phí: Bà C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 14, Điều 15 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình

- Áp dụng Pháp lệnh số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

-Tuyên xử:

- Không công nhận bà Dương Thị C và ông Trần Văn Plà vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu 02 con chung là cháu Trần Văn D, sinh năm: 27/5/2000 và cháu Trần Văn Đ, sinh ngày 10/6/2004 cho bà Dương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đối với cháu Trần Văn C, sinh ngày 02/4/1995 và cháu Trần Văn T, sinh ngày: 28/02/1997 đã trưởng thành nên không giải quyết.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Văn P

Ông Trần Văn P được quyền thăm non, chăm sóc con chung. Khi cần thiết ông Trần Văn P và bà Dương Thị C được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Dương Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 008119 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;

Bà Dương Thị C và ông Trần Văn Pđược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly